

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 02/4/2019.

Về việc “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xử án gồm:

Chủ tọa phiên tòa- Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thanh Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Hòa

2. Ông Phan Hồng Liêm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Mỹ Thuận.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Quách Văn Hoàng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 705/2018/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2018 “V/v: Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2019, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm: 1983 (có mặt).

-Bị đơn: Ông Nguyễn Lê Ngọc T, sinh năm: 1982 (vắng mặt).

Cùng trú tại: Khu phố 01, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

NHẬN THẤY

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Lê Ngọc T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, chung sống với nhau năm 2005 có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Trong quá trình chung sống, ông bà không có nhiều mâu thuẫn nhưng ông T không quan tâm đến gia đình, sống thiếu trách nhiệm với con cái và dường như không có sự chia sẻ, giúp đỡ bà trong việc tạo lập tài chính cũng như chăm sóc con cái. Tự bà phải gánh vác, xoay sở vì thế giữa vợ chồng hình thành khoảng cách rất lớn và thiếu sự liên kết, gắn bó với nhau. Ông bà đã tự sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau hạnh phúc được nên mong Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: có 03 con chung Nguyễn Ngọc Tr (nữ), sinh ngày 13/7/2006, Nguyễn Minh T (nam), sinh ngày 05/5/2011 và Nguyễn Quốc H (nam), sinh ngày 22/3/2018. Nếu ly hôn bà xin được trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng 03 con và yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi con 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Th trình bày: vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống vì tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để chung sống với nhau được.

** Bị đơn ông Nguyễn Lê Ngọc T:*

Ông Nguyễn Lê Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần cũng như tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng như Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Tuấn cũng không đến Tòa án và cũng không trình bày ý kiến của mình.

Vụ việc đã không hòa giải được do ông T không đến Tòa án.

Sau khi những người tham gia tố tụng trình bày ý kiến, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của nguyên đơn; kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Bị đơn chấp hành chưa tốt các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Thanh Th được ly hôn với ông Nguyễn Lê Ngọc T; Về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Tr (nữ), sinh ngày 13/7/2006, Nguyễn Minh T (nam), sinh ngày 05/5/2011 và Nguyễn Quốc H (nam), sinh ngày 22/3/2018 cho bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi con 2.000.000 đồng; Về tài sản chung và nợ: không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Lê Ngọc T cư trú tại khu phố 01, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ theo quy định tại khoản 01 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh Th về việc “Ly hôn, nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Ông Nguyễn Lê Ngọc T đã được Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý

do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh Th và ông Nguyễn Lê Ngọc T có đăng kí kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42 quyển số 01/05 ngày 25/4/2005 tại UBND phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận nên quan hệ hôn nhân của ông T và bà Th là hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà Th đã xác định trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã có thời gian hàn gắn nhưng vẫn không đạt được kết quả, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn quan tâm đến nhau nữa. Ông bà đã tự sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Như vậy, ông bà đã vi phạm khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình*”; theo khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*” và Điều 21 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau*”.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà Th và ông T đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên không cần thiết phải duy trì cuộc hôn nhân này.

Tại phiên tòa hôm nay ông T vẫn không có mặt chứng tỏ ông T đã khước từ quyền tham gia tố tụng của mình, nên việc xét xử vắng mặt ông T là phù hợp theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đảm bảo quyền chính đáng, hợp pháp của bà Th.

Từ những nhận định trên yêu cầu xin ly hôn của bà Th đã thỏa mãn điều kiện quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, đủ cơ sở kết luận yêu cầu ly hôn của bà Thủy chính đáng, phù hợp với các căn cứ quy định pháp luật.

[3] Về con chung: có 03 con chung Nguyễn Ngọc Tr (nữ), sinh ngày 13/7/2006, Nguyễn Minh T (nam), sinh ngày 05/5/2011 và Nguyễn Quốc H (nam), sinh ngày 22/3/2018

Hội đồng xét xử, xét thấy hiện cháu Nguyễn Quốc H (nam), sinh ngày 22/3/2018 đang ở với bà Th, cháu chưa đủ 36 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy, nghĩ nên giao cháu H cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp đảm bảo lợi ích của cháu H.

Còn các cháu Nguyễn Ngọc Tr (nữ), sinh ngày 13/7/2006, Nguyễn Minh T (nam), sinh ngày 05/5/2011 đang sống với bà Th, hơn nữa các cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Vì vậy, nghĩ nên giao cháu Ngọc Tr và Minh T cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp đảm bảo lợi ích của các cháu.

Bà Th yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi con 2.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Hội đồng xét xử, xét thấy hiện các cháu Ngọc Tr, Minh T và Quốc H còn rất nhỏ nên rất cần nhiều chi phí cho việc ăn học; hơn nữa ông T không đến Tòa án khước từ việc trình bày ý kiến của mình nên yêu cầu cấp dưỡng mỗi con 2.000.000 đồng/tháng là có căn cứ chấp nhận.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- **Về án phí :** bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Ông Nguyễn Lê Ngọc T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/Áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh Th.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Thanh Th được ly hôn với ông Nguyễn Lê Ngọc Tuấn.

- **Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Ngọc Tr (nữ), sinh ngày 13/7/2006, Nguyễn Minh T (nam), sinh ngày 05/5/2011 và Nguyễn Quốc H (nam), sinh ngày 22/3/2018, cho bà Nguyễn Thị Thanh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; ông Nguyễn Lê Ngọc T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi con 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi các cháu Tr, T và H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Nguyễn Lê Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thanh Th được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** ông bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

3/ Án phí : Bà Nguyễn Thị Thanh Th nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Bà Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền

tạm ứng án phí số 0023879 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Ông Nguyễn Lê Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận :

- Tòa án Tỉnh;
- VKS Tp.Phan Thiết;
- Chi cục THADS Tp. Phan Thiết;
- UBND phường Lạc Đạo;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

Vũ Thị Thanh Hòa